

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 30/06/2019**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 23



## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Zhang Zheng Ming	Chủ tịch
Bà Phạm Thu Phương	Thành viên
Ông Song Li Wei	Thành viên
Ông Trần Anh Thái	Thành viên

#### **Giám đốc**

Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc (Bãi nhiệm ngày 26/03/2019)
Ông Lê Hải Đường	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/03/2019)

#### ***Người đại diện pháp luật***

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Ông Zhang Zheng Ming	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 26/03/2019
Ông Lê Hải Đường	Từ ngày 26/03/2019 đến ngày lập báo cáo này

### **TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 12, tòa nhà Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Lê Hải Đường**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019*



Số: 334 /VACO/BCSX.NV2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Trách nhiệm của Giám đốc*

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ*

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có một số khoản công nợ khách hàng đã quá hạn thanh toán với giá trị là 3.235.223.709 VND. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập cho các khoản phải thu này và các ảnh hưởng khác, nếu có, đến các chỉ tiêu khác được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Y  
AN  
O  
HA

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### *Kết luận ngoại trừ*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như đã trình bày tại thuyết minh số 1, mục “Hoạt động liên tục” của Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ: Tại ngày 30/06/2019, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 10,07 tỷ VND; Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thấp; Nợ phải thu quá hạn thanh toán là 3,235 tỷ VND; Đây là các yếu tố dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đánh giá của Giám đốc, Công ty đang thực hiện triển khai các dự án mới và kế hoạch kinh doanh năm tới là khả quan, theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.



Lê Xuân Thắng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>15.945.069.599</b>	<b>19.504.005.326</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.454.346.769</b>	<b>1.236.188.627</b>
1. Tiền	111	4	1.454.346.769	1.236.188.627
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.018.828.630</b>	<b>17.969.841.009</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	10.267.467.785	14.337.161.957
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		234.100.000	42.750.000
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	4.361.375.023	4.361.375.024
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.563.155.483	3.635.823.689
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(4.407.269.661)	(4.407.269.661)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>382.616.519</b>	<b>228.338.842</b>
1. Hàng tồn kho	141		382.616.519	228.338.842
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>89.277.681</b>	<b>69.636.848</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	60.215.838	66.702.249
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.256.490	129.246
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	2.805.353	2.805.353
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>87.924.060</b>	<b>73.316.786</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.500.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	7.500.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	-	-
- Nguyên giá	222		525.112.545	525.112.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(525.112.545)	(525.112.545)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>69.529.614</b>	<b>69.529.614</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		69.529.614	69.529.614
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.894.446</b>	<b>3.787.172</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	10.894.446	3.787.172
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>16.032.993.659</b>	<b>19.577.322.112</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.956.211.254</b>	<b>8.562.352.237</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.662.211.254</b>	<b>8.268.352.237</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	3.707.296.711	6.292.210.098
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.788.007.754	1.588.007.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	18.084.534	274.658.660
4. Phải trả người lao động	314		101.325.127	85.534.182
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	47.497.128	27.941.543
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>294.000.000</b>	<b>294.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	294.000.000	294.000.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10.076.782.405</b>	<b>11.014.969.875</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>10.076.782.405</b>	<b>11.014.969.875</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.070.084.183)	(9.131.896.713)
- Lợi nhuận/(Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(9.131.896.713)	(10.025.362.489)
- Lợi nhuận/(Lỗ) kỳ này	421b		(938.187.470)	893.465.776
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>16.032.993.659</b>	<b>19.577.322.112</b>



Lê Hải Đường  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019

Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		237.099.091	619.371.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	237.099.091	619.371.536
4. Giá vốn dịch vụ đã cấp	11	18	177.467.273	389.979.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		59.631.818	229.391.845
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		825.631	146.029
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	990.795.944	858.522.620
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(930.338.495)	(628.984.746)
11. Thu nhập khác	31		-	300.000
12. Chi phí khác	32		7.848.975	2.054.235.325
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(7.848.975)	(2.053.935.325)
14. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(938.187.470)	(2.682.920.071)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(938.187.470)	(2.682.920.071)
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(469)	(1.341)



Lê Hải Đường  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019

Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	(938.187.470)	941.949.364
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(825.631)	(266.386)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(939.013.101)	941.682.978
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.917.385.134	(7.296.050.356)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(154.277.677)	244.654.992
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.606.140.983)	2.894.722.632
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(620.863)	(64.685.251)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	217.332.510	(3.279.675.005)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	825.631	266.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	825.631	266.386
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	218.158.141	(3.279.408.619)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.236.188.627	4.515.597.246
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.454.346.768	1.236.188.627



Lê Hải Đường  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019

Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007; Đăng ký thay đổi mới nhất lần thứ 11 số 0102403985 ngày 31 tháng 05 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký là 20.000.000.000 VND tương ứng với 2.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 12, tòa nhà Charmvit, số 117, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 8 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 8 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PPE.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phong điện, cơ sở hạ tầng và đường dây, trạm biến áp và xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng công trình dân dụng và kỹ thuật khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

**Hoạt động kinh doanh chính:** Tư vấn và thiết kế xây dựng; Thi công công trình, kỹ thuật khác.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ**

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **Hoạt động liên tục**

Tại thời điểm ngày 30/06/2019, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 10,07 tỷ VND, nợ phải thu quá hạn thanh toán là 3,325 tỷ VND, ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty. Theo đánh giá của Giám đốc, Công ty đang thực hiện triển khai các dự án mới và kế hoạch kinh doanh năm tới là khả quan, theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Ngoài Văn phòng Công ty, Công ty có một đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc như sau:

##### **Tên đơn vị**

##### **Địa chỉ**

Trung tâm Tư vấn Số 302 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.  
PVPE

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*Đối với tài sản và nợ phải trả Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Nợ phải trả tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

##### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là khoản phải thu tương ứng với doanh thu của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ (không phải hoá đơn), không phải chờ khách hàng xác nhận do Công ty tự lập mà trong hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

##### **Hàng tồn kho**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng các khoản lỗ hợp đồng. Dự phòng các khoản lỗ hợp đồng được lập dựa vào đánh giá của Giám đốc về các khoản hợp đồng đã thỏa thuận trừ đi chỉ ước tính để hoàn thành dự án. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho các dự án đang thực hiện. Chi phí sản xuất dở dang quá một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn.

##### **Các khoản trả trước**

Các khoản trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước phục vụ hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Đối với công cụ, dụng cụ phân bổ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ tương ứng với thời gian không quá 3 năm đối, đối với chi phí trả trước phân bổ theo thời hạn hợp đồng.

Công ty căn cứ vào thời gian hợp đồng và thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí để phân loại vào chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn và không thực hiện phân loại lại tại thời điểm báo cáo.

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng hữu ích (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

**Ghi nhận doanh thu*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 30/06/2019, trên báo cáo tài chính của Công ty có khoản lỗ lũy kế là 10.070.084.183 VND. Công ty tự xác định số lỗ tính thuế là 5.817.660.082 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	415.534	357.035
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.453.931.235	1.235.831.592
<b>Cộng</b>	<b>1.454.346.769</b>	<b>1.236.188.627</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>10.267.467.785</b>	<b>14.337.161.957</b>
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	7.006.744.000	7.825.935.000
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	1.583.661.390	3.813.661.390
Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTĐL Miền Bắc	1.218.910.405	1.218.910.405
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	1.020.503.162
Khách hàng khác	458.151.990	458.152.000
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>8.590.405.390</b>	<b>12.660.099.552</b>
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	7.006.744.000	7.825.935.000
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	1.583.661.390	3.813.661.390
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	1.020.503.162

**6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
<b>Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng</b>	<b>4.361.375.023</b>	<b>4.138.319.061</b>	<b>4.361.375.024</b>	<b>4.138.319.061</b>
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	4.138.319.061	4.138.319.061	4.138.319.061
Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	223.055.962	-	223.055.963	-

Ghi chú:

- (i) Phản ánh các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng của Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 ghi nhận lần lượt từ các năm 2013, 2015 căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Công ty tự xác định, đến nay chưa được nghiệm thu và xác nhận bởi chủ đầu tư. Theo đánh giá của Giám đốc, Công ty vẫn đang trong quá trình thương thảo và quyết toán khối lượng phát sinh thực tế với chủ đầu tư. Do đó khả năng thu hồi của các khoản này không chắc chắn và phải phụ thuộc vào kết quả đàm phán trong tương lai. Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng các khoản này nếu trong thời gian tới không được tiến hành nghiệm thu với chủ đầu tư.

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.563.155.483</b>	<b>268.950.600</b>	<b>3.635.823.689</b>	<b>268.950.600</b>
Zhang Zheng Ming (i) - Bên liên quan	3.237.227.883	-	3.255.299.938	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	268.950.600	268.950.600	268.950.600
Tạm ứng công nhân viên	53.977.000	-	56.231.500	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	3.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	5.341.651	-
<b>b) Phải thu khác dài hạn</b>	<b>7.500.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	7.500.000	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Khoản tạm ứng cho ông Zhang Zheng Ming - Chủ tịch Hội đồng quản trị để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ xấu</b>	<b>4.407.269.661</b>	<b>-</b>	<b>4.407.269.661</b>	<b>-</b>
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	-	4.138.319.061	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	-	268.950.600	-

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>382.616.519</b>	<b>228.338.842</b>
Công trình bãi thải xỉ của nhà máy nhiệt điện Thái Bình	227.871.953	176.771.680
Tư vấn giám sát Logistics Bắc Giang	87.874.566	51.567.162
Hoàn thiện nội thất căn 1802 tòa R1 Goldmark City	66.870.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>69.529.614</b>	<b>69.529.614</b>
Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình	69.529.614	69.529.614

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>60.215.838</b>	<b>66.702.249</b>
Các khoản khác	60.215.838	66.702.249
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.894.446</b>	<b>3.787.172</b>
Các khoản khác	10.894.446	3.787.172

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Số cuối kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Số cuối kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 với giá trị là 525.112.545 VND (ngày 31/12/2018 là 525.112.545 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	<b>3.707.296.711</b>	<b>3.707.296.711</b>	<b>6.292.210.098</b>	<b>6.292.210.098</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt - Delta	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567
Công ty Cổ phần Kinh Bắc CNJ	643.873.200	643.873.200	2.929.080.200	2.929.080.200
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	556.045.763	556.045.763	556.045.763	556.045.763
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc	303.218.000	303.218.000	303.218.000	303.218.000
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - CN TCT	340.489.681	340.489.681	340.336.868	340.336.868
TVXD Thủy lợi Việt Nam				
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh	171.244.500	171.244.500	171.244.500	171.244.500
Đối tượng khác	22.000.000	22.000.000	321.859.200	321.859.200

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<i>a) Người mua trả tiền trước</i>	<b>1.788.007.754</b>	<b>1.588.007.754</b>
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.422.555.556	1.422.555.556
Ông Tô Ngọc Sơn	200.000.000	-
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban Điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu</b>				
Thuế TNDN	2.805.353	-	-	2.805.353
<b>Cộng</b>	<b>2.805.353</b>	<b>-</b>	<b>2.805.353</b>	<b>-</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	256.900.611	256.900.611
Thuế TNCN	18.084.534	14.565.115	14.238.630	17.758.049
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.084.534</b>	<b>18.565.115</b>	<b>275.139.241</b>	<b>274.658.660</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<i>a) Phải trả ngắn hạn khác</i>	<b>47.497.128</b>	<b>27.941.543</b>
Kinh phí công đoàn	6.666.828	5.422.566
Phải trả ngắn hạn khác	40.830.300	22.518.977
<i>b) Phải trả dài hạn khác</i>	<b>294.000.000</b>	<b>294.000.000</b>
Cổ tức từ năm 2011 phải trả cổ đông (i)	294.000.000	294.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 08/NQ-ĐHCĐ-TVĐLDK năm 2012 về phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2011 có số dư tại ngày 31/12/2012 là 294.000.000 VND. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Công ty xác định khoản phải trả cổ đông này chưa phải chi trả trong 12 tháng tiếp theo nên Công ty phân loại đây là khoản phải trả dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**16. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	20.000.000.000	146.866.588	(10.073.846.077)	10.073.020.511
Lãi trong kỳ	-	-	941.949.364	941.949.364
Số dư đầu kỳ	20.000.000.000	146.866.588	(9.131.896.713)	11.014.969.875
Lỗ trong kỳ	-	-	(938.187.470)	(938.187.470)
Số dư cuối kỳ	20.000.000.000	146.866.588	(10.070.084.183)	10.076.782.405

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 22/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2018, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Chi tiết góp vốn của các cổ đông**

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	4.980.000.000	24,90%	4.980.000.000	24,90%
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	1.919.000.000	9,60%	1.919.000.000	9,60%
Ông Zang Ping	1.431.000.000	7,16%	1.431.000.000	7,16%
Các cổ đông khác	11.670.000.000	58,35%	11.670.000.000	58,35%
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**17. DOANH THU THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	237.099.091	619.371.536
<b>Cộng</b>	<b>237.099.091</b>	<b>619.371.536</b>

**18. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	177.467.273	389.979.691
<b>Cộng</b>	<b>177.467.273</b>	<b>389.979.691</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	657.227.101	583.785.354
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.851.400	27.582.137
Các khoản chi phí QLDN khác	322.717.443	243.155.129
<b>Cộng</b>	<b>990.795.944</b>	<b>858.522.620</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.870.000	-
Chi phí nhân công	743.534.505	883.720.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.318.673	211.909.428
Chi phí khác	324.817.716	249.698.311
<b>Cộng</b>	<b>1.322.540.894</b>	<b>1.345.328.440</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
Lãi/(Lỗ) trước thuế	(938.187.470)	(2.682.920.071)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(938.187.470)</b>	<b>(2.682.920.071)</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

**22. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ**

Công ty có các khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế tính thuế	5.817.660.082	4.879.472.612

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến cuối năm để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**22. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ (TIẾP THEO)**

<b>Năm phát sinh lỗ tính thuế</b>	<b>Thời gian được chuyển lỗ</b>	<b>Số lỗ tính thuế phát sinh</b>	<b>Số lỗ tính thuế đã chuyển</b>	<b>Số lỗ tính thuế còn được chuyển</b>
Năm 2016	2017 - 2021	1.933.769.618	(942.137.331)	991.632.287
Năm 2017	2018 - 2022	3.887.840.325	-	3.887.840.325
Kỳ này	2019 - 2023	938.187.470	-	938.187.470
<b>Cộng</b>		<b>6.759.797.413</b>	<b>(942.137.331)</b>	<b>5.817.660.082</b>

Công ty hiện chưa thực hiện quyết toán thuế từ khi thành lập đến nay.

**23. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lãi/(lỗ) sau thuế TNDN</b>	<b>(938.187.470)</b>	<b>(2.682.920.071)</b>
<b>Lãi/(lỗ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(938.187.470)</b>	<b>(2.682.920.071)</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	2.000.000	2.000.000
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(469)</b>	<b>(1.341)</b>

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.454.346.769)	(1.236.188.627)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	10.076.782.405	11.014.969.875
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

### 24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.454.346.769	1.236.188.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.366.376.607	13.459.484.485
Các khoản ký quỹ	10.500.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.831.223.376</b>	<b>14.745.673.112</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.048.793.839	6.614.151.641
<b>Cộng</b>	<b>4.048.793.839</b>	<b>6.614.151.641</b>

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất:* Công ty không chịu rủi ro lãi suất do không vay nợ trong năm.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu:* Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

#### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.454.346.769	-	1.454.346.769
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.366.376.607	-	9.366.376.607
Các khoản ký quỹ	3.000.000	7.500.000	10.500.000
<b>Cộng</b>	<b>10.823.723.376</b>	<b>7.500.000</b>	<b>10.831.223.376</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.754.793.839	294.000.000	4.048.793.839
<b>Cộng</b>	<b>3.754.793.839</b>	<b>294.000.000</b>	<b>4.048.793.839</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>7.068.929.537</b>	<b>(286.500.000)</b>	<b>6.782.429.537</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số đầu kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.236.188.627	-	1.236.188.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.459.484.485	-	13.459.484.485
Các khoản ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.745.673.112</b>	-	<b>14.745.673.112</b>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.320.151.641	294.000.000	6.614.151.641
<b>Cộng</b>	<b>6.320.151.641</b>	<b>294.000.000</b>	<b>6.614.151.641</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>8.425.521.471</b>	<b>(294.000.000)</b>	<b>8.131.521.471</b>

Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

**Bên liên quan**

Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang

Thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty

**Mối quan hệ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Phó Giám đốc Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang  
Lãnh đạo chủ chốt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Ngoài số dư được trình bày ở Thuyết minh số 5 và số 7 của phần thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	237.099.091	232.623.927

**Thu nhập của Giám đốc và Hội đồng Quản trị**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	138.361.400	108.000.000

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Kỳ này</u>
	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (i)	169.901.344

**Ghi chú:**

- (i) Hợp đồng thuê văn phòng số ST-0519-164 ngày 01/05/2019 ký giữa Công ty và Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội với diện tích thuê là 79,01 m<sup>2</sup> tại Phòng 9A (ô số 01), tầng 12 nằm trong tòa nhà Văn phòng Charm Vit Tower - 116 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Thời hạn thuê từ ngày 01/05/2019 đến ngày 14/08/2020; Đơn giá thuê là 370.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng (tương đương 16 USD/m<sup>2</sup>/tháng); phí quản lý hàng tháng là 129.250 VND/m<sup>2</sup>/tháng (tương đương 5,5 USD/m<sup>2</sup>/tháng).
- (ii) Hợp đồng thuê nhà ngày 09/01/2019 ký giữa Công ty và Bà Đào Minh Phương với diện tích thuê là 90m<sup>2</sup> tại căn hộ P903B, Nhà CT3B, Dự án khu nhà ở để bán Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; thời hạn thuê là 2 năm kể từ ngày 15/01/2019 đến ngày 15/01/2021; Đơn giá thuê là 7.500.000 VND/tháng.

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>
	VND
Trong vòng 1 năm	569.037.630
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	108.629.704
<b>Cộng</b>	<b><u><u>677.667.334</u></u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.



**Lê Hải Đường**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019*

**Trương Thị Hải Yến**  
**Kế toán trưởng**

**Trương Thị Hải Yến**  
**Người lập biểu**